



**Phụ lục 1: PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN
NĂM HỌC: 20..... – 20....**

Họ và tên: Lớp: Mã số sinh viên:

Kèm Quy chế Đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên Trường Đại học Văn Hiến

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHVH ngày tháng năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)

STT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM	ĐÁNH GIÁ	
			Sinh viên	Lớp
I	Học tập	40		
1	Không vi phạm quy chế thi, kiểm tra	+5đ		
2	Kết quả học tập đạt loại Xuất sắc/Giỏi/ Khá/ Trung bình	+15đ/+10đ/+5đ/+2đ		
3	Tham gia NCKH và các hoạt động học tập chuyên ngành khác (nếu tham gia ở nhiều cấp thì chỉ tính điểm cho cấp cao nhất)			
3.1	Có thành tích/ không có thành tích ở cấp khoa hoặc trường	+8đ/+6đ		
3.2	Có thành tích/ không có thành tích ở cấp quận, huyện trở lên	+10đ/+8đ		
4	Đạt một trong những yêu cầu chuẩn đầu ra của nhà trường (tin học, ngoại ngữ, kỹ năng mềm...). Kết quả đạt được ở năm học nào thì chỉ tính cho năm học đó.	+10đ		
Tổng điểm mục I (tổng điểm không vượt quá 40 đ)				
II	Chấp hành các quy định của pháp luật và của Nhà trường	20		
1	Không vi phạm các quy định của pháp luật, của Trường, khoa và các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường.	+20 đ		
2	Vi phạm pháp luật, quy định của Nhà trường (áp dụng cho hình thức kỷ luật cao nhất mà sinh viên vi phạm phải nhận)			
2.1	Bị lập biên bản (hoặc hình thức khác)	-5đ/lần		
2.2	Bị khiển trách toàn trường hoặc cảnh cáo bằng văn bản	-10đ/lần		
2.3	Không tham gia các buổi sinh hoạt, phổ biến các quy định, các buổi sinh hoạt công dân định kỳ	-5đ/lần		
Tổng điểm mục II (không vượt quá 20 đ)				
III	Tham gia các hoạt động hội thi, hội thao, văn hóa, văn nghệ; các hoạt động tình nguyện, công tác xã hội; các chương trình giáo dục trọng điểm (pháp luật, biên giới, biển đảo...); các hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội do khoa, trường hoặc các đơn vị ngoài trường tổ chức	30 đ		
1	Tham gia	+1đ/lần		
2	Đạt thành tích	+5đ/lần		
3	Là thành viên BTC	+1đ/lần		
4	Tham gia hoặc được khen thưởng cấp quận/huyện trở lên khi tham gia các hoạt động ngoài trường	+5đ/lần		
5	Đăng ký nhưng không tham gia	-2đ/lần		
Tổng điểm mục III (không vượt quá 30 đ)				
IV	Tham gia và hoàn thành tốt công tác phụ trách lớp, các đoàn thể và tổ chức (bao gồm các CLB SV) khác trong nhà trường	+5đ/năm học		
V	Phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng (nội dung đánh giá này đã được lồng ghép trong các nội dung đánh giá khác)			
VI	Các điểm khuyến khích	5 đ		

1	Tham gia khảo sát đánh giá đầy đủ các môn học trong năm học	+2đ/năm học		
2	Tham gia các công việc khác do nhà trường huy động lực lượng	+1đ/lần		
3	Là thành viên chính thức của Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên, CLB SV trong hoặc ngoài trường (nếu tham gia nhiều thì chỉ được tính cho 01 CLB SV)	+2đ		
4	Tham gia các lớp/khóa học tập, bồi dưỡng của các tổ chức đoàn thể cấp trường trở lên	+2đ/lần		
Tổng điểm mục VI (không vượt quá 5 điểm)				
Ghi chú	Các trường hợp xếp loại rèn luyện kém: Bị đình chỉ học tập 1 năm học hoặc bị buộc thôi học; Không đánh giá hoặc không nộp đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên theo quy định; Xếp loại học lực từ yếu trở xuống.			
Tổng điểm rèn luyện học kỳ ____ = mục I+ mục II + mục III+ mục IV + mục VI				
ĐIỂM RÈN LUYỆN (Tối đa 100 điểm)				

HĐĐG KQRLSV Khoa

CVHT/CVHT

Sinh viên